



BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CÔNG TY DÂU TẦM TƠ TÂN LỘC




PHƯƠNG ÁN

TÁI CƠ CẤU TÀI CHÍNH ĐỂ CHUYỂN
CÔNG TY DÂU TẦM TƠ TÂN LỘC
THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN



Đồng Nai Tháng 11 - 2013



CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, - Căn cứ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Thủ tướng chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Căn cứ thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ;

- Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Căn cứ công văn số 1867/TTG-ĐMDN ngày 18/10/2010 và công văn số 7613/VPCP- ĐMDN ngày 28/10/2011 của Thủ Tướng chính phủ về việc sắp xếp đổi mới Công ty dâu tằm tơ Tân Lộc;

- Căn cứ văn bản số 2130/TTg-ĐMDN ngày 15/11/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Bộ nông nghiệp & PTNT;

- Căn cứ công văn số 896/MBN-PMBN ngày 29/10/2013 của Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp về việc thực hiện tái cơ cấu chuyển Công ty Dâu tằm tơ Tân Lộc thành CTCP.

- Căn cứ Quyết định số 2507/QĐ –BNN-ĐMDN ngày 28/10/2013 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp công ty dâu tằm tơ Tân Lộc.

Căn cứ các văn bản trên Công ty Dâu tằm tơ Tân Lộc đã phối hợp với Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) xây dựng phương án tái cơ cấu như sau:

PHẦN I
THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

I. GIỚI THIỆU :

1. Tên Công ty:

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Dâu Tằm Tơ Tân Lộc là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dâu tằm tơ Việt Nam. Công ty được thành lập theo Quyết định số 262/NN-TCCB/QĐ ngày 9/4/1993 của Bộ NN&PTNT và Quyết định đổi tên số 324/ NN-TCCB/QĐ ngày 6/3/1997 của Bộ NN&PTNT.

- Trụ sở chính : QL1A, Phường Xuân Bình, Tx Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại : 0613.877 181;

- Fax: 0613. 876 048;.

- Email : ctytanloc@vnn.vn.

Thời gian	Một số sự kiện
6/2/2006	Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 01/2006/QĐ-TKT về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty dâu tằm tơ Tân Lộc.
7/2/2007	Sau 12 tháng tiên hành thụ lý và làm các thủ tục phá sản, Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai nhận thấy Công ty chưa đủ điều kiện theo Luật Phá sản nên ra quyết định số 01/2007/QĐ-ĐCPS về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty dâu tằm tơ Tân Lộc để Công ty phục hồi sản xuất kinh doanh.
31/7/2007	Với nhân sự hiện có là 07 người (đã làm các thủ tục cần thiết để giải quyết chế độ cho người lao động khi doanh nghiệp phá sản) và vốn lưu động Tòa án trả lại là 212 triệu đồng, Công ty bắt đầu khôi phục sản xuất kinh doanh, tuyển lao động mới, ký lại các hợp đồng với các đối tác trong và ngoài nước trước năm 2006.
6/2008	Công ty đã thực hiện hợp đồng liên kết sản xuất về may mặc với công ty VANLEE HANG PTE.,LTD – SINGAPORE tạo việc làm cho 170 lao động. Hiện nay, do không có vốn để đầu tư thiết bị, ... Công ty đã giao toàn bộ hợp đồng may này cho Công ty Huy Hoàng và chỉ là cầu trung gian ký hợp đồng hưởng hoa hồng.
6/2009	Công ty đã ký hợp đồng liên kết sản xuất, gia công quần dây và đóng gói linh kiện điện tử với công ty NEC/TOKIN ELECTRONIC VIETNAM CO.,LTD và tạo việc làm cho trên 700 lao động với mức thu nhập bình quân hiện nay 1.700.000đ/người/tháng. Đóng BHXH, BHYT, kinh phí CĐ, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động theo quy định, hiệu quả sản xuất qua các năm ổn định và bước đầu SXKD đã có hiệu quả, thực hiện kịp thời nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
2010 đến nay	Tình hình sản xuất kinh doanh đã dần đi vào ổn định.

2. Ngành nghề hoạt động:

- Trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ và kinh doanh các ngành nghề khác.

- Gia công May và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ.

- Kinh doanh tổng hợp.

3. Mô tả lĩnh vực hoạt động:

- Năm 1990-1996, đầu tư trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ.

- Từ năm 1997 - 2008 chuyển sang may gia công quần, áo nội địa và xuất khẩu

- Từ năm 2009 đến nay hợp tác với Công ty Nec/ToKin (Nhật Bản) sản xuất gia công linh kiện điện tử.

4. Cơ cấu sở hữu vốn:

- Công ty Dâu tằm tơ Tân Lộc là DN 100% vốn NN.

II. TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN:

1. Tình hình tài chính đến thời điểm 30/6/2013:

1.1. Báo cáo tài chính:

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	2011	2012	30/6/2013
A – Tài sản ngắn hạn	267.085.297	453.234.788	222.294.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	32.520.719	72.138.128	6.828.033
II. Các khoản ĐT tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	27.432.557	115.699.422	109.941.520
IV. Hàng tồn kho	99.907.980	104.180.707	95.635.253
V. Tài sản ngắn hạn khác	107.224.041	161.216.531	9.889.223
B. Tài sản dài hạn	4.399.194.685	3.987.331.134	3.750.858.371
II. Tài sản cố định	4.399.194.685	3.987.331.134	3.750.858.371
III. Bất động sản đầu tư			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
V. Tài sản dài hạn khác			
TỔNG TÀI SẢN	4.666.279.982	4.440.565.922	3.973.152.400
A. Nợ phải trả	54.659.589.064	58.412.838.567	67.335.194.131
I. Nợ ngắn hạn	54.654.283.108	58.407.532.611	67.322.694.131
II. Nợ dài hạn	5.305.956	5.305.956	12.500.000
B. Vốn chủ sở hữu	(49.993.309.082)	(53.972.272.645)	(63.362.041.731)
1. Vốn chủ sở hữu	(50.023.309.082)	(54.002.272.645)	(63.392.041.731)
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	30.000.000	30.000.000	30.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN	4.666.279.982	4.440.565.922	3.973.152.400

1.2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

CHỈ TIÊU	2011	2012	30/6/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động KD	(716.873.211)	(491.235.050)	(140.399.436)

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động ĐT	5.311.986	852.459	325.341
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động TC	719.566.000	530.000.000	74.764.000

1.3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	2011	2012	30/6/2013
1. Doanh thu	20.297.355.143	17.343.721.472	11.032.507.510
2. Các khoản giảm trừ			
3. Doanh thu thuần	20.297.355.143	17.343.721.472	11.032.507.510
4. Giá vốn hàng bán	18.848.287.347	16.161.081.789	10.607.868.069
5. Lợi nhuận gộp	1.449.067.796	1.182.639.683	424.639.441
6. D. thu hoạt động tài chính	1.311.986	852.459	325.341
7. Chi phí tài chính, bán hàng, QLDN và chi phí khác	9.721.122.101	5.162.455.705	9.874.052.457
8. Lợi nhuận thuần	(532.890.628)	(3.978.963.563)	(8.605.072.025)
9. Lợi nhuận khác	(7.545.999.551)		(784.697.061)
10. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.078.890.179)	(3.978.963.563)	(9.389.769.086)
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			
12. lao động bình quân	700	500	350
13. Thu nhập bình quân	2.000.000	2.300.000	2.800.000

2. Tình hình tài sản đến 30/06/2013:

Mục	Nguyên giá (triệu đồng)	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại (triệu đồng)	Tỷ lệ % còn lại
TSCĐ hữu hình	8.980.718.034	5.417.273.090	3.563.444.944	

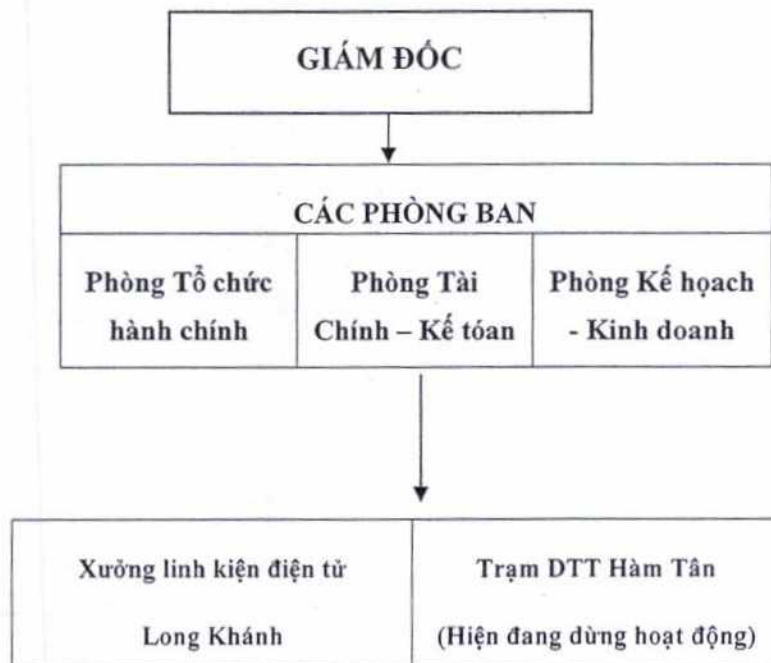
3. Tình hình nhà xưởng, đất đai:

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN TÍCH (m ²)	THỜI HẠN SỬ DỤNG	GIẤY CHỨNG NHẬN/HỢP ĐỒNG	TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
I. DIỆN TÍCH ĐẤT ĐƯỢC GIAO: 44.584 m²					
1- Khu đất tại Trụ sở chính Công ty	Quốc lộ 1A, Phường Xuân Bình, TX Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	29.740	Lâu dài	Quyết định giao đất: số 0166/QĐ-UBT ngày 09/02/1991, Quyết định số 686/QĐ-UBT ngày 13/6/1992; QĐ số 968/QĐ.UBT ngày 31/7/1992 của UBND tỉnh Đồng Nai	Xây dựng nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở chuyên gia, nhà ăn tập thể.

2- Trạm Dâu Tằm Tơ Hàm Tân.	Quốc lộ 55, Xã Tân Phước, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận	14.844m ²	Lâu dài	Quyết định cấp đất xây dựng số 332 UB/XD ngày 28/3/1988 của UBND tỉnh Bình Thuận.	Hiện đang ngưng hoạt động
-----------------------------	--	----------------------	---------	---	---------------------------

III- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1- Tổ chức: Mô hình tổ chức:



2. Bộ máy quản lý, điều hành:

- Bộ máy quản lý điều hành gồm: Giám đốc và 03 phòng ban chuyên môn giúp việc: Phòng Tổ Chức Hành Chính, Phòng Tài Chính - Kế Toán và phòng Kế Hoạch - Kinh Doanh.

- 02 đơn vị phụ thuộc : Xưởng Linh kiện điện tử Long Khánh hiện đang hoạt động. Trạm Dâu tằm Tơ Hàm Tân (Tạm ngưng hoạt động).

3. Nhân sự đến thời điểm 30/06/2013:

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)
I. Phân loại theo trình độ:	
1. Trên Đại học	1
2. Đại học	2
3. Cao đẳng, trung cấp	12
4. Trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	0

5. Chưa đào tạo	0
II. Phân loại theo hợp đồng lao động:	
1. Lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn	12
2. Lao động ký hợp đồng từ 1 - 3 năm	251
3. Lao động ký hợp đồng dưới 1 năm	38
4. Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	27
TỔNG CỘNG:	328

IV- HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

1. Quá trình tăng/giảm vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ khi thành lập: 150.000.000 đồng.
- Thay đổi vốn điều lệ hiện nay: 4.163.662.746 đồng.

2. Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp:

2.1. Thuận lợi:

- Có mặt bằng rộng gần 03 ha nằm trong khu Trung tâm Thị xã và trên mặt tiền đường quốc lộ 1A nên có lợi thế kinh doanh. Giao thông thuận tiện, cơ sở vật chất nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện có đã thu hút nhiều nhà đầu tư muốn hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Có khách hàng hợp tác kinh doanh ổn định.

2.2. Khó khăn:

Công ty đã có thời gian thua lỗ kéo dài, năng lực tài chính yếu và thiếu (Công ty đã 02 lần ngừng hoạt động sản xuất - kinh doanh). Tháng 5/1992 - tháng 6/1993 ngừng hoạt động do giải tòa mặt bằng để tìm kiếm quy tập hài cốt Liệt Sĩ của Tỉnh Đồng Nai. Năm 2006 - tháng 6/2007, ngừng hoạt động do Tòa án thụ lý mở thủ tục phá sản Công ty. Công ty phải khôi phục lại sản xuất - kinh doanh nhiều lần nên khó khăn chồng chất.

VI. NGUYÊN NHÂN KHIẾN DOANH NGHIỆP THUA LỖ:

1. Nguyên nhân chủ quan:

1.1. Quản trị doanh nghiệp:

- Do năng lực quản lý và điều hành của cán bộ lãnh đạo còn nhiều hạn chế.
- Một thời gian dài bộ máy quản lý công kênh, kém hiệu quả và mang nặng tư duy bao cấp của Doanh nghiệp nhà nước.

1.2. Nhân sự:

Vừa thiếu vừa yếu do thua lỗ kéo dài. Thu nhập của người lao động thấp nên

không thu hút được người lao động có trình độ và năng lực.

1.3. Sản xuất, chi phí:

Do đầu tư nhiều, đầu tư bao cấp trong việc mở rộng vùng nguyên liệu dâu tằm trong những năm 1990 - 1996 không hiệu quả, dẫn đến không thu được nợ, mất khả năng thanh toán. Sản xuất ra sản phẩm thì giá thành cao hơn giá bán.

1.4. Vốn:

- Do dùng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn nên không có khả năng thanh toán trả nợ đến hạn.

- Tồn tại nợ vay các NHTM chưa được sử lý trong ngành Dâu tằm tơ Việt Nam.

2. Nguyên nhân khách quan:

2.1. Biến động thị trường:

- Từ năm 1994 - 1996, thị trường tơ tằm bị biến động, ngành Dâu tằm tơ Việt Nam bị khủng hoảng nghiêm trọng, sản xuất tơ tằm bị lỗ nặng vì giá đầu ra xuống thấp dưới 50% của năm 1993 do thị trường truyền thống Liên Xô cũ và Đông Âu bị mất.

- Hoạt động bằng vốn ngắn hạn, lãi xuất cao nên chi phí và giá thành sản phẩm cao, không đủ sức cạnh tranh.

2.2. Nguyên nhân khác:

Công ty đã hai lần ngưng hoạt động tổng cộng thời gian ngừng hoạt động khoảng 03 năm, phải khôi phục lại sản xuất trong tình hình tài chính, nhân sự, thị trường rất khó khăn. Việc bồi thường thiệt hại do việc ngưng hoạt động kinh doanh và do giải tỏa mặt bằng để tìm kiếm quy tập hài cốt Liệt Sĩ cơ sở, vật chất hư hại, mức bồi thường không đáng kể (354 triệu) so với mức thiệt hại (2,7 tỷ) đã làm ảnh hưởng rất lớn cho Công ty.

VII. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC ĐÍCH TÁI CƠ CẤU CHUYỂN ĐỔI CPH:

1. Về mặt xã hội:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng trăm lao động.
- Góp phần tạo cảnh quan đô thị cho địa phương.

2. Về mặt kinh tế:

Trong tình hình mất cân đối lớn về tài chính, mất vốn Nhà nước, việc tái cơ cấu doanh nghiệp và chuyển đổi sở hữu Công ty là rất cần thiết. Việc chuyển đổi chủ sở hữu thành công sẽ đưa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thoát khỏi tình trạng phá sản, đảm bảo và tạo việc làm cho hàng trăm lao động, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Lợi ích đạt được sau khi chuyển đổi:

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần sẽ tạo cơ chế cho doanh nghiệp hoạt động năng động, hiệu quả hơn, thu hút được vốn, nguồn nhân lực có trình độ,... đúng với chủ trương đường lối của Đảng về sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước, phát triển nền kinh tế đa thành phần.

Ngoài ra, Công ty cổ phần sẽ huy động được vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước vào công cuộc đổi mới và phát triển doanh nghiệp, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách; thay đổi phương thức quản lý, tạo động lực nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.

VII. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỀ TÁI CƠ CẤU TÀI CHÍNH TẠI THỜI ĐIỂM 30 THÁNG 6 NĂM 2013:

Căn cứ Hồ sơ XDGTĐN đề tái cơ cấu tài chính của Công ty Dầu tầm tơ Tân Lộc và Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội thực hiện tại thời điểm 30/6/2013 để làm cơ sở tái cơ cấu tài chính như sau:

Số TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	3.973.152.400	13.530.772.175	9.557.619.775
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	3.750.858.371	13.270.122.220	9.519.263.849
1	Tài sản cố định	3.563.444.944	13.082.708.793	9.519.263.849
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3	Chi phí XDCB dở dang	187.413.427	187.413.427	-
4	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
6	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	222.294.029	260.649.955	38.355.926
1	Tiền	6.828.033	6.828.209	176
+	Tiền mặt tồn quỹ	5.130.024	5.130.200	176
+	Tiền gửi Ngân hàng	1.698.009	1.698.009	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu	109.941.520	109.941.520	-
4	Vật tư, hàng hoá tồn kho	95.635.253	133.991.003	38.355.750
5	Tài sản lưu động khác	9.889.223	9.889.223	-
6	Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III	Giá trị lợi thế thương mại	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
1	Tài sản cố định	-	-	-

II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
1	Các khoản phải thu khó đòi	-	-	-
2	Vật tư, hàng hoá ứ đọng, kém phẩm chất	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	-	-	-
1	Tài sản cố định	-	-	-
II	TSLĐ và đầu t ngắn hạn	-	-	-
1	Vật tư, hàng hoá ứ đọng, kém phẩm chất	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QKTPL	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	3.973.152.400	13.530.772.175	9.557.619.775
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ (A)	3.973.152.400	13.530.772.175	9.557.619.775
	NỢ PHẢI TRẢ	67.450.194.131	67.342.180.005	(108.014.126)
E1	SỐ DƯ QUỸ KTPL	-	-	-
E2	NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	30.000.000	30.000.000	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NÓC TẠI DOANH NGHIỆP (A-<E1+E2>)	(63.507.041.731)	(53.841.407.830)	9.665.633.901

PHẦN II
PHƯƠNG ÁN TÁI CƠ CẤU CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP
THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

I. TÁI CƠ CẤU TÀI CHÍNH/VỐN:

1. Tổng giá trị các khoản nợ DATC đã thỏa thuận mua nợ xong (30/6/2013):

Theo Quyết định số 2507/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 28/10/2013 của Bộ NNN&PTNT về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty Dầu tầm tơ Tân Lộc để thực hiện tái cơ cấu thời điểm 30/6/2013 thì Công ty Dầu tầm tơ Tân Lộc có tổng nợ phải trả là 67.342.180.005 đồng, trong đó DATC đã thỏa thuận mua bán nợ xong được 61.811.733.538 đồng. Cụ thể:

Đơn vị: VNĐ

TT	Tên chủ nợ	Nợ gốc	Nợ lãi	Tổng nợ
1	BIDV Đồng Nai	3.383.000.000	1.224.898.394	4.607.898.394
2	Agribank Đồng Nai	4.140.000.000	18.900.600.000	23.040.600.000
3	Agribank Bình Thuận	4.884.050.000	15.217.478.128	20.101.528.128
4	Ngân hàng TMCP Nam Á	2.128.571.660	4.809.596.415	6.938.168.075
5	TCTy Dầu tầm tơ VN	6.996.038.941	127.500.000	7.123.538.941
	TỔNG	21.593.899.901	40.304.299.459	61.811.733.538

2. Tồn tại và xử lý để tái cơ cấu tài chính cho doanh nghiệp:

2.1. Tồn tại tài chính:

Căn cứ Quyết định số 2507/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 28/10/2013 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty dầu tầm tơ Tân Lộc để tái cơ cấu thời điểm 30/6/2013, Công ty Dầu tầm tơ Tân Lộc có một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của như sau:

- Giá trị thực tế của DN: 13.530.772.175 đồng
- Nợ thực tế phải trả: 67.342.180.005 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại DN: - 53.841.407.830 đồng.

Như vậy, với các chỉ tiêu tài chính theo Quyết định XĐGTDN đến 30/6/2013, Công ty dầu tầm tơ Tân Lộc không đủ điều kiện thực hiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ - CP ngày 18/7/2011 của Thủ tướng Chính Phủ.

2.2. Định hướng xử lý tồn tại tài chính để tái cơ cấu tài chính cho DN:

Việc xử lý các tồn tại tài chính sẽ được thực hiện qua 02 giai đoạn:

Xử lý tài chính giai đoạn I: Sau khi DATC mua các khoản nợ của 04 ngân hàng và mua lại khoản nợ của Công ty cổ phần - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam, DATC kế thừa quyền chủ nợ của 61.811.733.538 đồng tại Công ty dầu tầm tơ Tân Lộc. Căn cứ vào các quy định hiện hành, DATC xử lý tài chính cho Công ty dầu tầm

tơ Tân Lộc đủ điều kiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần; Xóa nợ tương đương với số âm vốn chủ sở hữu là (53.841.407.830 đồng). Sau khi được DATC xử lý tài chính giai đoạn 1, Công ty Dầu tầm tơ Tân Lộc đủ điều kiện chuyển đổi cổ phần hóa theo quy định hiện hành.

> Sau khi xử lý tồn tại tài chính cho Công ty dầu tầm tơ Tân Lộc, Công ty dầu tầm tơ Tân Lộc nhận nợ với DATC tổng số tiền là: 7.970.325.708 đồng (61.811.733.538 – 53.841.407.830).

Xử lý tài chính giai đoạn 2: Trong giai đoạn từ thời điểm XĐGTDN đến thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần nếu công ty phát sinh lỗ do nguyên nhân khách quan, DATC tiếp tục xem xét xử lý tồn tại về tài chính để tạo điều kiện cho Công ty cổ phần phát triển ổn định và bền vững.

2.3. Bảng cân đối tài chính trước và sau khi DATC xử lý tài chính:

Dự tính Bảng cân đối kế toán sau khi được DATC xử lý tài chính như sau:

Đơn vị: đồng

STT	TÀI SẢN	Số liệu đến 30/6/2013 theo Quyết định XĐGTDN	Số liệu dự kiến sau khi được DATC xử lý tài chính	GHI CHÚ
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	260.649.955	260.649.955	
I	Tiền và các khoản tương đương	6.828.209	6.828.209	
II	Các khoản đ.tư tài chính ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu	109.941.520	109.941.520	
IV	Hàng tồn kho	133.991.003	133.991.003	
V	Tài sản ngắn hạn khác	9.889.223	9.889.223	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	13.270.122.220	13.270.122.220	
I	Các khoản phải thu dài hạn			
II	Tài sản cố định	13.270.122.220	13.270.122.220	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.530.772.175	13.530.772.175	
TT	NGUỒN VỐN			
A	NỢ PHẢI TRẢ	67.354.680.005	13.513.272.175	(53.841.407.830)
I	Nợ ngắn hạn	67.342.180.005	13.500.772.175	(53.841.407.830)

II	Nợ dài hạn	12.500.000	12.500.000	
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	(53.823.907.830)	0	53.841.407.830
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.530.772.175	13.530.772.175	

3. Cơ cấu doanh nghiệp sau tái cơ cấu và phương án góp vốn:

3.1. Tên gọi, địa chỉ và ngành nghề kinh doanh của DN sau tái cơ cấu:

- Tên đầy đủ: Công ty CP Đầu tư xây dựng – SX - TM dịch vụ Tân Lộc
- Tên tiếng Việt: Công Ty Cổ Phần Tân Lộc.
- Tên tiếng Anh : TANLOC JOINT STOCK CORPORATION (TANLOC JSC)
- Tên viết tắt: TANLOC JSC
- Điện thoại : 061 3877 181; Fax: 061 3876 048
- Trụ sở: Đường 21 tháng 4 (Quốc lộ 1 A cũ) Khu Phố 5, Phường Xuân Bình, TX Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Đầu tư các công trình công nghiệp và dân dụng xây dựng cầu đường và san lấp mặt bằng, sửa chữa và trang trí nội thất kinh doanh nhà ở. Xây dựng, sửa chữa nhà để bán và cho thuê nhà hàng, khách sạn. Xây dựng và cho thuê nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc, kho bãi; xây dựng và kinh doanh nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư. Mua bán vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, vật tư thiết bị điện, thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, kinh doanh xăng dầu.

Sản xuất và chế biến sản phẩm nông lâm, thủy sản.

+ Sản xuất và gia công hàng May mặc, công nghiệp (bao gồm: hàng công nghiệp công nghệ cao), công nghiệp điện tử (thiết bị và linh kiện điện tử), tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng.

+ Liên doanh liên kết hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để xây dựng và kinh doanh các trung tâm thương mại; siêu thị, cao ốc văn phòng làm việc.

3.2. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần được xây dựng là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn), được chia thành 1.000.000 cổ phần bằng nhau, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.

3.3. Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Ghi chú

1	DATC	100.000	1.000.000.000	10%	Chuyển nợ thành vốn góp
2	Công đoàn Cty	00	00	0	Không mua
3	CBCNV	75.500	755.000.000	7,55%	Theo tỷ lệ 1:1
4	Các cổ đông khác	824.500	8.245.000.000	82,45%	Bán theo quy định hiện hành
	Cộng	1.000.000	10.000.000.000	100%	

(1) Cổ đông là DATC: DATC góp vốn vào Công ty cổ phần với tỷ lệ sở hữu tối thiểu bằng 10% vốn điều lệ thông qua hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo tỷ lệ 1:1.

(2) Cổ đông là tổ chức công đoàn của Công ty: Không mua.

(3) Cổ đông CBCNV của Công ty: CBCNV có tên trong danh sách người lao động của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp. Số cổ phần mỗi CBCNV được mua tính theo số năm công tác trong khu vực nhà nước đến thời điểm phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi sở hữu được duyệt, cứ mỗi năm công tác được quyền mua tối đa 100 cổ phần. Thời gian thanh toán là 60 ngày kể từ ngày chuyển sang Công ty cổ phần và không được chuyển nhượng trong vòng 2 năm.

(4) Cổ đông khác: là các cổ đông có tiềm lực tài chính tham gia góp vốn mua cổ phần và thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt trước thời điểm doanh nghiệp tổ chức ĐHCĐ thành lập.

3.4. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết:

Trường hợp số lượng cổ phần chào bán không hết sẽ được DATC mua lại theo tỷ lệ 1:1 bằng hình thức chuyển nợ thành vốn góp.

3.5. Giá bán cổ phần:

- Số cổ phần của cổ đông do DATC nắm giữ được thực hiện theo hình thức chuyển một phần nợ thành vốn góp theo tỷ lệ 1:1 tính trên số nợ phải thu tại Công ty Dầu tầm tơ Tân Lộc (mức giá 10.000 đồng/CP).

- Số cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại công ty và của CBCNV (một năm công tác được 100 cổ phần) theo mức giá 10.000 đồng /CP, thanh toán bằng tiền mặt.

- Số cổ phần bán cho các cổ đông khác được bán theo quy định hiện hành, thanh toán bằng tiền mặt theo mức giá không thấp hơn 10.000 đồng /CP.

4. Một số nội dung tài chính khác:

4.1. Chi phí chuyển đổi:

Toàn bộ chi phí hợp lý, hợp lệ có liên quan đến quá trình chuyển đổi được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo quyết toán đã được phê duyệt.

4.2. Sử dụng tiền thu từ bán cổ phần:

Toàn bộ tiền thu từ bán cổ phần sẽ được chuyển về Công ty cổ phần để trả bớt một phần nợ cho các chủ nợ (chủ nợ DATC được ưu tiên trả trước) và bổ sung vào vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.3. Xử lý lao động dôi dư:

Kinh phí trợ cấp số lao động dôi dư khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được thực hiện theo quy định hiện hành.

II. TÁI CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ NHÂN SỰ:

1. Tái cơ cấu bộ máy quản lý điều hành:

1.1. Văn phòng Công ty cổ phần:

Sau khi chuyển đổi, Công ty đăng ký hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và các phòng ban tham mưu.

Cơ cấu tổ chức dự kiến gồm có 3 phòng tham mưu có chức năng giúp việc theo từng công việc chuyên môn, gồm có:

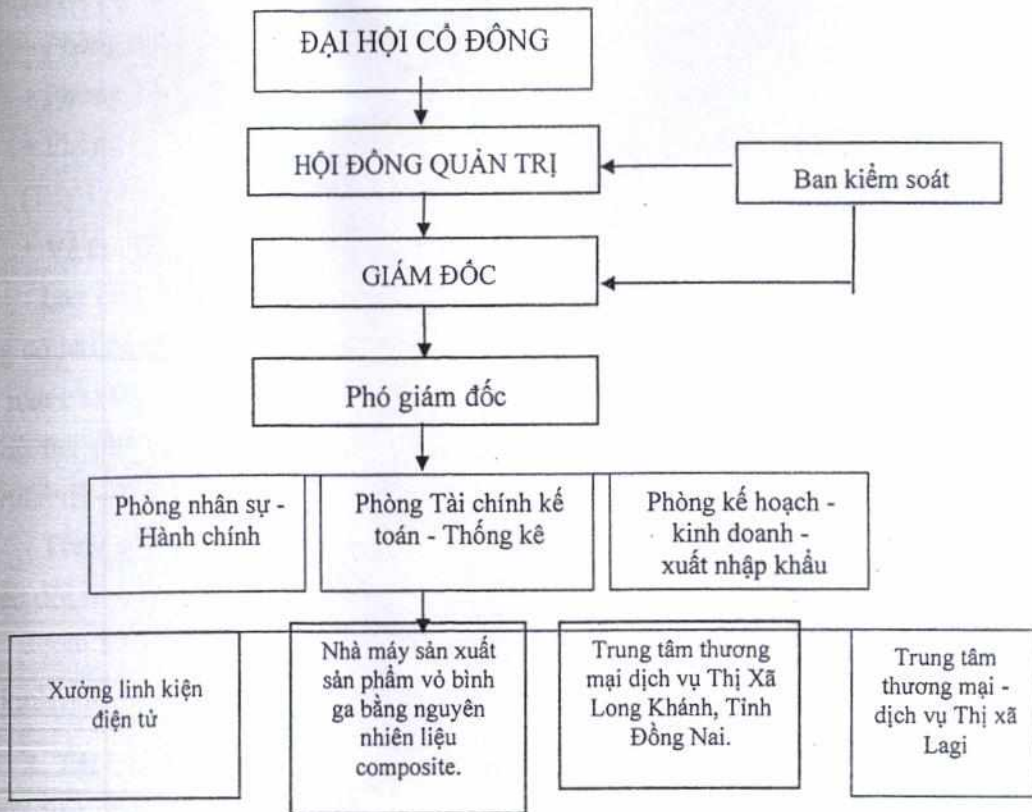
- + Phòng quản trị nhân sự và hành chính gồm 03 người
- + Phòng Tài chính kế toán và thống kê gồm 03 người
- + Phòng kế hoạch- kinh doanh -xuất nhập khẩu gồm 05 người.

*** Các đơn vị phụ thuộc:**

Gồm 04 đơn vị trực thuộc, gồm 02 Xưởng sản xuất trực thuộc và 02 đơn vị liên doanh liên kết thương mại dịch vụ, gồm có:

- Xưởng linh kiện điện tử Long Khánh.
- Nhà máy sản xuất sản phẩm vỏ bình ga bằng nguyên liệu composite.
- Trung tâm thương mại dịch vụ Thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.
- Trung tâm thương mại dịch vụ Thị Xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy:**



Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc để quản lý, điều hành doanh nghiệp.

*** Hội đồng quản trị:**

Gồm 3 thành viên là các cổ đông hoặc là đại diện nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu từ trên 10% số cổ phần trở lên của Công ty. Trong thời gian đầu, thành phần Hội đồng Quản trị dự kiến 03 thành viên.

*** Ban Kiểm soát:**

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát toàn diện các hoạt động của công ty cổ phần, dự kiến gồm 03 thành viên.

*** Giám đốc điều hành:**

Do Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm. Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở điều lệ và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Giúp việc Giám đốc gồm có 01 phó giám đốc và các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

+ Giám đốc: Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp và phụ trách trực tiếp công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán,

xuất nhập khẩu, quan hệ Quốc tế...

- + Phó Giám đốc phụ trách sản xuất kinh doanh
- + Phòng quản trị nhân sự và hành chính gồm 03 người
- + Phòng Tài chính kế toán và thống kê gồm 03 người
- + Phòng kế hoạch - kinh doanh - xuất nhập khẩu gồm 05 người

(Tùy tình hình sản xuất kinh doanh sẽ tuyển dụng theo nhu cầu từng giai đoạn)

* Về lao động

- Lao động dôi dư: Sau khi tái cơ cấu tài chính thực hiện cổ phần hóa Công ty không có lao động dôi dư, người lao động không có nguyện vọng xin nghỉ việc, Công ty có nhu cầu sử dụng hết số lao động hiện có là 328 người (Vi tại thời điểm thực hiện mở thủ tục phá sản Công ty đã giải quyết hết số lao động dôi dư theo nghị định 41/2002/NĐ - CP).

- Tổng số CBCNV ký Hợp đồng lao động chính thức của Công ty ở thời điểm chuyển đổi sở hữu là 328 người.

- Sau khi chuyển đổi sở hữu, Công ty cổ phần sẽ đầu tư tổ chức mở rộng sản xuất kinh doanh sẽ tuyển dụng thêm đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Tái cơ cấu đội ngũ nhân sự:

- Lao động tại thời điểm cổ phần hóa: 328 người.
- Lao động chuyển sang tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần: 328 người.
- Lao động chuyển công tác hoặc nghỉ việc theo chế độ: 0 người.
- Kế hoạch tuyển dụng thêm 120 người.

III. TÁI CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Tái cơ cấu hệ thống chi nhánh, phân phối:

1.1. Trụ sở văn phòng Công ty tại Thị xã Long Khánh - Tỉnh Đồng Nai:

- Chuyển mục đích sử dụng phần lớn đất công nghiệp sang đất khu dân cư.
- Xây dựng trụ sở làm việc của công ty cổ phần. Mở rộng và xây dựng mới 02 cơ sở sản xuất công nghiệp: Xưởng linh kiện điện tử Long Khánh và Nhà máy sản xuất vỏ bình gas bằng nguyên liệu Composite.

- Xây dựng khu văn phòng cho thuê; khu nhà ở cho chuyên gia và công nhân có thu nhập thấp thuê.

- Xây dựng siêu thị, Trung Tâm Thương Mại...
- Sân đường nội khu và các công trình phụ trợ khác.

1.2. Trạm Dầu Tăm Tơ Hàm Tân tại Quốc lộ 55, Xã Tân Phước, Thị Xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.

- Chuyển mục đích sử dụng đất công nghiệp thành khu đất dân cư phù hợp quy hoạch của Thị Xã Lagi.

- Xây dựng nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp mua hoặc thuê.

- Xây dựng Trung tâm thương mại Lagi, nhà hàng, khách sạn.

2. Tái cơ cấu nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

- Về linh kiện điện tử: Đã có đối tác là Công ty Nec/ToKin cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên và ổn định.

- Về vỏ bình gas bằng Composite: Tiếp tục xúc tiến hợp tác với Công ty ChiBo (Hàn Quốc) nhập về Việt Nam để kinh doanh (năm 2014) và sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (2014-2016)

3. Tái cơ cấu thị trường đầu ra:

Sau khi DATC xử lý tài chính để chuyển đổi sở hữu, xây dựng vốn điều lệ mới thì tình hình tài chính của doanh nghiệp được lành mạnh, do đó doanh nghiệp có vốn lưu động để hoạt động từ việc góp vốn cổ phần và huy động từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác,... để mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển trồng cây công nghiệp, tìm kiếm thị trường xuất khẩu...

Khôi phục lại quan hệ với các bạn hàng trước đây có năng lực và uy tín trong kinh doanh để tiếp tục duy trì các công việc gia công sản xuất hàng may mặc, gia công linh kiện điện tử. Chuyển từ việc gia công sang sản xuất và cung cấp, để ra tạo giá trị gia tăng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Tái cơ cấu giá thành sản phẩm:

- Tiếp tục hợp tác với Công ty Nec/token (Nhật bản)

- Đào tạo nghề cho lao động phổ thông: May, thêu, linh kiện điện tử.

- Đào tạo nghề cho lao động công nghệ cao về sản xuất vỏ bình gas Composite.

- Đào tạo nghề cho Công nhân, nhân viên các trung tâm thương mại dịch vụ, nhà hàng, khách sạn... để nâng cao chất lượng và năng suất lao động.

5. Tái cơ cấu chi phí doanh nghiệp:

- Công ty cổ phần thực hiện chức năng giám sát chặt chẽ các chi phí phát sinh của đơn vị để tăng năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo ra hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Luôn theo dõi bán sát biến động giá cả của thị trường đồng thời kết hợp với chính sách chế độ của Nhà nước của từng thời kỳ để ra các quyết định phù hợp nhất nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí nguyên vật liệu....

- Rà soát và cơ cấu lại đội ngũ nhân sự gọn nhẹ, hiệu quả để giảm chi phí tối đa tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên.

6. Tái cơ cấu hoạt động của tài sản cố định:

- Về máy móc thiết bị: Thường xuyên sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị để tăng năng lực sản xuất và đảm bảo chất lượng. Bên cạnh đó bổ sung thêm máy móc thiết bị mới để phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và nhu cầu thị trường trong từng thời kỳ.

- Về bất động sản: Tiếp tục tập trung khai thác hiệu quả hơn diện tích đất đai hiện có; Tập trung hoàn thiện mọi thủ tục pháp lý về đất đai của doanh nghiệp.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP SAU TÁI CƠ CẤU

I. KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Định hướng:

- Phát triển Công ty ổn định, mạnh về tài chính.
- Đảm bảo công ăn, việc làm ổn định cho hàng trăm lao động.
- Tạo thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần ổn định về kinh tế, chính trị của địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

2. Mục tiêu:

- Phát huy tối đa nội lực, khai thác tốt tiềm năng hiện có về nhà xưởng, máy móc, thiết bị, thị trường.
- Tạo bước chuyển biến, lựa chọn lĩnh vực đầu tư có lợi thế, phù hợp, lợi thế đất đai và thị trường đang cần. Hợp tác liên doanh liên kết đầu tư sản xuất thương mại dịch vụ hướng đi giai đoạn 2014-2016.
- Nâng cao mức sống và thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động trong doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ, đúng nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

* Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục hợp tác gia công với Công ty Nec/Token (Nhật Bản) sản xuất ổn định hàng năm: 24-26 triệu sản phẩm.
- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty TNHH Chibo Composite (Hàn Quốc) xây dựng nhà máy sản xuất vỏ bình gas bằng nguyên liệu composite công nghệ cao không cháy, không nổ. Kế hoạch sản xuất và tiêu thụ hàng năm khoảng 120.000 sản phẩm bình chứa gas (loại bình quân 13kg).
- Liên doanh liên kết hợp tác với Coop Mark. Mở một siêu thị tại Long Khánh và trung tâm thương mại tại Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận. Xây dựng nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc cho thuê tại lô đất tại Thị xã Long Khánh xây dựng nhà cho công nhân có thu nhập thấp mua hoặc thuê tại Thị Xã Long Khánh và Thị Xã Lagi.
- Liên doanh liên kết hợp tác với HTX nông nghiệp Tân Thành Hưng (Tánh Linh, Bình Thuận) và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bạch Đằng 8 thuộc Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng - Bộ xây dựng lập dự án thuê đất trồng cây công nghiệp tại các huyện, Tỉnh Bình Thuận.
- Tăng cường quản lý các đơn vị phụ thuộc, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Bảo đảm thu nhập cho người lao động, thực hiện các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, ổn định và từng bước cải thiện đời sống cán bộ, công nhân viên và người lao động;

- Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm công ty sản xuất ra.

- Tăng cường liên doanh liên kết trong và ngoài nước, không phân biệt các thành phần kinh tế.

II. CÁC LỢI THẾ CẠNH TRANH

- Mặt bằng, đất đai nằm trung tâm Thị xã, giao thông thuận lợi.

- Có thị trường truyền thống.

- Có đối tác chiến lược có tiềm lực vốn, tài chính, thị trường mới bổ sung.

III- MỤC TIÊU THỊ TRƯỜNG - SẢN PHẨM

1. Thị trường hiện tại:

Tiếp tục củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống theo các hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh để ổn định tiêu thụ các mặt hàng công ty đang sản xuất. Đồng thời, với việc phối hợp mở rộng các lĩnh vực kinh doanh khác mà các bên xét thấy có lợi và có đủ điều kiện.

2. Thị trường mới:

Chọn lựa những lĩnh vực đầu tư có lợi thế, phù hợp với ngành nghề và có triển vọng thị trường như: Công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, cây công nghiệp, thương mại dịch vụ ...

Hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường quản lý, tiết kiệm chi phí trong các Nhà máy và đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, có kế hoạch đầu tư mạng lưới thương mại, dịch vụ trong phạm vi cả nước và các nước ASEAN.

3. Các hoạt động mới:

- Xây dựng và thực hiện tốt việc tiêu chuẩn hóa cán bộ quản lý, kỹ thuật và lao động. Đào tạo, bồi dưỡng và tiếp nhận bổ sung các cán bộ có nhu cầu để mở rộng ngành nghề, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của các bộ phận để tác nghiệp, đảm bảo bộ máy công ty hoạt động chủ động, năng động, có hiệu quả.

- Xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp đảm bảo tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, có sự tin nhiệm cao trong nội bộ và khách hàng.

4. Thị trường mục tiêu:

- Việt Nam có hơn 20 triệu gia đình, tương đương với nhu cầu phải có bếp để

nấu ăn mà vỏ bình gas bằng gang, thép hiện nay đang có nguy cơ cháy, nổ rất cao. Do đó, nhu cầu sử dụng vỏ bình gas an toàn bằng Composite không cháy nổ là mong muốn của hầu hết các gia đình. Nhưng trước mắt, Công ty sẽ tập trung kinh doanh ở TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Bình Dương và Tỉnh Đồng Nai, sau đó sẽ phát triển sang các Tỉnh thành khác tùy theo mức độ.

- Để đảm bảo sức khỏe, hạnh phúc gia đình không phải mua hàng giả, hàng kém chất lượng, không đủ số lượng, tâm lý người tiêu dùng hiện nay thích đi mua sắm ở các siêu thị lớn và các trung tâm thương mại. Tuy nhiên, ở Thị Xã Long Khánh và hai Huyện Cẩm Mỹ và Xuân Lộc với dân số hơn 700 ngàn người nhưng chưa có siêu thị và trung tâm thương mại lớn. Do đó, việc xây dựng trung tâm thương mại ở Thị Xã Long Khánh để đáp ứng nhu cầu của người dân là cần thiết cũng như xây dựng Trung tâm thương mại ở Đức Linh gồm hai huyện Đức Linh và Tân Linh với dân số hơn 400 ngàn người, Thị Xã LaGi và Huyện Hàm Tân với dân số hơn 500 ngàn người.

IV- KẾ HOẠCH TIẾP THỊ:

1. Chiến lược sản phẩm:

- Vỏ bình gas Composite được thiết kế gọn, nhẹ giúp cho việc di chuyển và lưu trữ dễ dàng. Với ưu điểm không cháy, nổ, không bị ăn mòn do được làm bằng lớp thủy tinh sợi trong suốt, có trọng lượng chỉ bằng 50% bình gas bằng thép, độ bền 30 năm, luôn quan sát được mức nhiên liệu bên trong nên người sử dụng có thể biết chính xác thời điểm thay gas

2. Chiến lược về giá cả:

- Hiện tại, sản phẩm phải nhập từ nước ngoài về nên giá cả hơi cao 2.000.000 đồng/bình. Năm 2014-2016, Công ty sẽ mở nhà máy sản xuất tại Việt Nam thì giá cả sẽ thấp hơn, tùy theo tình hình thực tế.

- Công ty sẽ bảo hiểm và bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng khi sử dụng vỏ bình gas Composite mà bị cháy, nổ do lỗi kỹ thuật.

3. Chiến lược quảng cáo:

- Công ty quảng cáo trên báo chí, truyền thông, truyền hình, các siêu thị, trung tâm thương mại... nói lên được những ưu điểm của vỏ bình gas bằng Composite.

4. Chiến lược tiếp cận khách hàng:

- Không những quảng cáo trên báo chí, truyền thông, truyền hình Công ty còn tiếp cận khách hàng bằng các Hội chợ, triển lãm. Bằng những quỹ từ thiện...

V. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kế hoạch về nguồn vốn.

1.1. Xác định nhu cầu vốn lưu động:

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và mở rộng ngành nghề của doanh nghiệp sau tái cơ cấu, nhu cầu vốn lưu động trong giai đoạn 2014-2016 dự kiến cần khoảng từ 4.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng để nhập vỏ bình gas 13kg bằng Composite không cháy nổ từ Hàn Quốc. Với nhu cầu vốn lưu động như vậy, sau khi đã được xử lý lành mạnh tình hình tài chính, căn cứ vào nhu cầu vốn thực tế và trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh khả thi, doanh nghiệp sẽ huy động vốn từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân,...

1.2. Tình hình vốn lưu động hiện có của doanh nghiệp:

Hiện doanh nghiệp không có vốn lưu động, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là vốn của đối tác liên kết liên doanh.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

2.1- Thuận lợi, khó khăn sau khi chuyển đổi cổ phần hóa:

* Thuận lợi:

- Được trong sạch về tài chính nên có điều kiện được huy động vốn để sản xuất kinh doanh và tái đầu tư.

- Có khách hàng truyền thống nên doanh thu không bị gián đoạn.

- Có cổ đông chiến lược có năng lực tài chính thị trường nên sẽ đầu tư phát huy hết tiềm năng lợi thế đất đai tài sản hiện có của công ty.

* Khó khăn:

- Mô hình công ty cổ phần mới, bộ máy quản lý mới, hoạt động sản xuất kinh doanh mới nên năm đầu sẽ gặp khó khăn ổn định mô hình, sắp xếp lao động và ngành nghề kinh doanh.

2.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến:

Đơn vị: 1.000 đ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch		
		2014	2015	2016
1	Doanh thu thuần	30.000.000	62.000.000	65.000.000
2	Lợi nhuận gộp	10.000.000	25.000.000	26.500.000
3	DT hoạt động tài chính	5.000	10.000	20.000
4	Lợi nhuận trước thuế	2.000.000	5.000.000	6.500.000
5	Thu nhập bình quân tháng/người	2.800	3.800	4.500
6	Nộp ngân sách	850.000	1.400.000	1.700.000

7	Khấu hao cơ bản+CPPB	1.200.000	1.800.000	2.000.000
8	Cổ tức	10%	20%	30%

Trong đó :

- Về linh kiện điện tử sản xuất kinh doanh hàng năm 24.000.000 Sp; doanh thu tương đương 18.000.000.000 đồng.

- Về sản xuất kinh doanh vỏ bình gas bằng vật liệu Composite :

+ Năm 2014, nhập khẩu từ đối tác 6000 SP doanh thu tương đương 12.000.000.000 đồng.

+ Năm 2014 – 2016, sản xuất và tiêu thụ tại Việt Nam mỗi năm bình quân: 100.000 SP.

- Dự án xây dựng trung tâm thương mại Long Khánh, Đức Linh, Lagi sẽ thực hiện vào giai đoạn 2014 – 2016.

3. Kế hoạch trả nợ.

3.1. Nguồn vốn để trả nợ:

Sau khi cơ cấu lại tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu Công ty CP Đầu tư xây dựng – SX - TM dịch vụ Tân Lộc là 100.000.000.000 đồng. Công ty cổ phần có thể dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ gồm (những nguồn thu có tính khả thi cao):

- Vốn góp bằng tiền của các cổ đông: 9.000.000.000 đồng.
- Khấu hao năm 2014 là: 1.200.000.000 đồng.
- LN dự kiến năm 2014 phần đầu khoảng: 2.000.000.000 đồng.
- Các khoản phải thu khác,...

Dựa vào các nguồn thu trên, dự kiến năm 2013 - 2014, nguồn thu của Công ty cổ phần sẽ đạt được khoảng từ 12.000.000.000 đồng đến 13.000.000.000 đồng.

3.2. Kế hoạch trả nợ:

Dựa vào phương án xử lý tài chính tái cơ cấu như trên, Công ty cổ phần còn khoản nợ phải trả nợ như sau:

- (a) Tổng nợ phải trả trước khi xử lý tài chính: 67.342.180.005 đồng
 - Trong đó: - Nợ DATC: 61.811.733.538 đồng
 - Nợ khác: 5.530.446.467 đồng
- (b) DATC xử lý tài chính giai đoạn 1: 53.841.407.830 đồng
- (c) DATC chuyển nợ thành vốn góp cp 10%: 1.000.000.000 đồng
- (d) DATC dự kiến xử lý tài chính giai đoạn 2: 470.325.708 đồng
- Tổng nợ còn phải trả (a-b-c-d) 12.030.446.467 đồng**
- Trong đó: - Nợ DATC: 6,500,000,000 đồng
- Nợ khác: 5,530,446,467 đồng

